

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST

Ngày 22/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Thành.

Ông Bùi Đăng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Duyên là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T - Sinh ngày 13/6/1996 tại làng T, xã VA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Làng T, xã VA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam con ông Lê Văn V - Sinh năm 1969 và bà Lê Thị T - Sinh năm 1969; vợ: Phạm Thị N - Sinh năm 1997; con: Lê Thị Ngọc H - Sinh năm 2016.; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân 21/11/2015 bị Công an huyện NL xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền, đến ngày 08/8/2016 Lê Văn T đã chấp hành xong hình phạt và ngày 05/01/2018 Lê Văn T bị Công an huyện NL xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền và bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2018 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt phiên tòa.

Bị hại: Anh Lê Văn A - Sinh năm 1971. (Có mặt).

Nơi cư trú: Làng T, xã VA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

- Anh Đặng Quang C - Sinh năm 1990. Trú tại: Thôn XS, xã TS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

- Anh Phạm Thúc H - Sinh năm 1989. Trú Tại: Thôn CT, xã NK, huyện NL - Thanh Hóa. (Có mặt)

- Chị Lê Thị N - Sinh năm 1995 và anh Lê Văn H - Sinh năm 1976. Trú tại: Làng P, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt anh H, vắng mặt chị N).

- Chị Hoàng Thị H - Sinh năm 1973 và anh Quách Công V - Sinh năm 1996. Trú tại: Làng T, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

- Anh Lê Văn C - Sinh năm 1991, anh Lê Văn B - Sinh năm 1996, anh Lê Văn D - Sinh năm 1975, chị Lê Thị N - Sinh năm 1962 và chị Lê Thị T - Sinh năm 1969. Cùng trú tại: Làng T, xã VA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 26/10/2017 Lê Văn T đi đến sân bóng chuyền của làng để chơi bóng chuyền. Khi đến sân bóng T nhìn thấy chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 của anh Lê Văn A người cùng thôn đang dựng phía ngoài sân bóng. Lợi dụng lúc Lê Văn A đang đánh bóng chuyền, T lấy chìa khóa đang treo ở cột dây bóng chuyền mở khóa xe và lấy xe đi đến nhà Phạm Thúc H, sinh năm 1989 ở thôn CT, xã NK, huyện NL, nhưng H không có nhà nên T ngủ ngoài hiên nhà. Đến sáng ngày 27/10/2017 H về gặp T, T nhờ H tìm chỗ cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05. Do không có giấy đăng ký xe nên không cầm cố được, sau đó H đã đi về còn Lê Văn T tiếp tục đi vào phố 1, xã Tt, huyện NL để tìm nơi nhận cầm cố chiếc xe mô tô. Khi đến gần trường Tiểu học Ngọc Khê II, xã Nk, huyện NL thì Lê Văn T gặp anh Đặng Quang C, sinh năm 1990 ở thôn XS, xã TS, huyện NL để hỏi cầm cố chiếc xe. Hai bên trao đổi và C đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 trong 10 ngày với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Cầm cố chiếc xe xong Lê Văn T đi ra thành phố Hà Nội đi làm và T đã điện thoại cho mẹ là bà Lê Thị T, sinh năm 1969 để nhờ bà giúp đỡ chuộc xe ra. Đến ngày 30/10/2017 T cùng bà Lê Thị T từ thành phố Hà Nội về, khi về đến dốc Khế thuộc phố Z, xã QT, huyện NL bà T gọi điện cho anh Phạm Thúc H nhờ anh H chỉ nhà anh Đặng Quang C. Khi đến nhà anh Đặng Quang C, anh H vào trường tiểu học Ngọc Khê II, xã NK, huyện NL để đón con, còn T và bà T đi vào nhà gặp anh C. Sau khi nói chuyện xin chuộc lại chiếc xe mô tô hai bên thống nhất bà T trả 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) mà T đã cầm cố chiếc xe mô tô và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lãi, bà T đã lấy chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 mang về trả cho gia đình anh Lê Văn A. Ngày 01/11/2017 Lê Văn T đến Công an huyện NL đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Lê Văn A. Cơ quan CSĐT Công an huyện NL đã thu giữ tài sản là chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 mà Lê Văn T đã trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 07/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện NL kết luận, tài sản chiếc

xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 tại thời điểm có giá trị là 11.146.667đ (*Mười một triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Trong quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NL áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị can Lê Văn T. Tuy nhiên, đến ngày 19/12/2017 Lê Văn T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 36H3 - 8840 tại thôn Liên Cơ 1, xã NA, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa trị giá 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*). Công an huyện NL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú bằng biện pháp Tạm giam đối với Lê Văn T tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Đối với vật chứng, tài sản: Chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05, xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn A. Cơ quan Công an huyện NL đã trả lại cho chủ sở hữu, anh Lê Văn A yêu cầu Lê Văn T phải bồi thường công đi tìm chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 là 5.000.000đ, nhưng không có chứng từ, hóa đơn gì. Đối với chiếc xe mô tô BKS 36H3 - 8840 đã trả lại cho chủ sở hữu ông Lê Văn H, ông H không yêu cầu bồi thường.

Đối với anh Đặng Quang C và anh Phạm Thúc H trong quá trình điều tra vụ án anh C và anh H không biết chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 là tài sản mà Lê Văn T trộm cắp mà có, do đó cơ quan CSĐT Công an huyện NL không đủ cơ sở xử lý về hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có mà nhắc nhở đối với C và anh H.

Bản cáo trạng số 03 ngày 05/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện NL đã truy tố Lê văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Văn T xử phạt: Bị cáo Lê Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, chấp nhận người bị hại không yêu cầu bồi thường và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại anh Lê Văn A tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa người làm chứng là anh Đặng Quang C không thừa nhận là người cho bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô, còn những người làm chứng khác trình bày phù hợp với nội dung trong bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ

án và nội dung bản cáo trạng đã nêu, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/10/2017 Lê Văn T đã có hành vi lên lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 36K5 - 044.05 của anh Lê Văn A giá trị 11.146.667đ (Mười một triệu, một trăm bốn sáu nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây dư luận xấu trong nhân dân. Để giữ nghiêm pháp luật và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, phải lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tác động đến gia đình để chuộc lại tài sản trộm cắp trả cho người bị hại và đến Công an huyện NL đầu thú thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã hai lần bị Công an huyện NL xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo có nhân thân xấu, nên phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Lê Văn A đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng: Cơ quan Công an đã trả cho chủ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đối với bị cáo Lê Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/01/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn T và người bị hại Lê Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/3/2018.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- THA hình sự;
- Các bị cáo;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

